



TP. Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK PETROLIMEX NĂM 2018, NHIỆM
KỲ 2014-2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ 2019-2023**
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Kính thưa: - Các quý vị Đại biểu
- Các quý vị Cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của Công ty Cổ phần XNK Petrolimex; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát Công ty Cổ phần XNK Petrolimex và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2018 như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex, nhiệm kỳ 2014-2018 gồm các Ông, Bà :

1. Bà Nguyễn Thu Hà – Trưởng ban (đến ngày 25/04/2016);
2. Bà Lê Thúy Đào - Trưởng Ban (từ ngày 25/04/2016);
3. Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm soát viên kiêm nhiệm (từ ngày 06/04/2012);
4. Ông Mai Văn Bình - Kiểm soát viên kiêm nhiệm (từ ngày 24/04/2014).

Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực dựa trên Điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị (HĐQT) và các quy định pháp lý hiện hành. Các thành viên Ban kiểm soát đã tuân thủ đúng pháp luật, nghị quyết của ĐHĐCĐ, đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Ban kiểm soát đã thực thi quyền và nghĩa vụ được giao một cách cẩn trọng, trung thực, đảm bảo lợi ích hợp pháp tốt nhất cho Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không dùng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã thực hiện một số công việc sau:

+ Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo khả năng chuyên môn và xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động từng năm của BKS.

- + Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- + Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng/năm tại Công ty mẹ. Định kỳ 6 tháng/năm có báo cáo kiểm soát gửi HĐQT và Tổng giám đốc Cty.
- + Thực hiện kiểm soát theo kế hoạch tại Cty mẹ và 2 Cty con, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình quản lý hàng tồn kho, công nợ bán hàng, vay ngân hàng,... Sau kiểm tra đã có kiến nghị kịp thời với HĐQT và Ban Điều hành đối với những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung.

PHẦN II: KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

I/ Thẩm định báo cáo tài chính Công ty Cổ phần XNK Petrolimex

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính nhiệm kỳ năm 2014-2018 (Phụ lục 01 đính kèm).

Trong nhiệm kỳ này, tổng tài sản và tổng nguồn vốn cao nhất vào năm 2015 là 810 tỷ đồng, giảm dần ở các năm 2016, 2017 và thấp nhất ở năm 2018 là 390,6 tỷ đồng. Tổng tài sản giảm chủ yếu do giảm hàng tồn kho và giảm các khoản phải thu ngắn hạn. Tổng nguồn vốn giảm chủ yếu do giảm các khoản nợ ngắn hạn và lỗ kinh doanh trong nhiệm kỳ.

Hệ số thanh toán ngắn hạn cao nhất là 1,16 lần và thấp nhất ở 31/12/2018 là 1 lần. Hệ số thanh toán nhanh thấp nhất là 0,45 lần ở 31/12/2016 và cao nhất ở 31/12/2018 là 0,6 lần cho thấy dòng tiền giảm sút nhưng Công ty vẫn tự chủ được hoạt động. Khả năng thanh toán nhanh tốt hơn do Công ty bán bớt hàng tồn kho.

Cơ cấu nguồn vốn bình quân cả nhiệm kỳ là 29% vốn chủ và 71% nợ phải trả.

Năm 2018 Báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần XNK Petrolimex được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần XNK Petrolimex, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Ban kiểm soát thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đã được Công ty AASCN kiểm toán, bao gồm các ý kiến ngoại trừ sau:

+ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một số lô hàng thép không gỉ tồn kho lâu ngày, chậm luân chuyển với giá trị khoảng 25 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 86,8 tỷ đồng, trong đó: hàng thép không gỉ giá trị khoảng 37 tỷ đồng, tiêu nguyên liệu và tiêu bán thành phẩm giá trị khoảng 49,8 tỷ đồng). Do không thể thu thập được đầy đủ về giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng này nên Cty chưa xác định được số phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

1767
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XNK NHÀ
PETROLIMEX
H.S.T

+ Một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán trên 3 năm được đảm bảo bởi các tài sản của các khách hàng. Cty đánh giá giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo cao hơn giá trị các khoản phải thu, nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này.

Thuyết minh một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính hợp nhất tại 31/12/18:

Tổng tài sản và nguồn vốn là 390,6 tỷ đồng. Trong đó, cơ cấu tài sản và nguồn vốn như sau: Tài sản ngắn hạn 264 tỷ đồng chiếm 68%, tài sản dài hạn 126,3 tỷ đồng chiếm 32%; Nợ phải trả 278,5 tỷ đồng chiếm 71%, vốn chủ sở hữu 112,1 tỷ đồng chiếm 29%.

Tổng tài sản giảm so với cùng kỳ năm trước là 212,7 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 205,3 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 7,4 tỷ đồng. Thay đổi của tài sản ngắn hạn so với cùng kỳ năm trước tập trung chủ yếu vào khoản mục: tiền và các khoản tương đương tiền giảm 28 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 59 tỷ đồng, hàng hóa tồn kho giảm 123,7 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn khác tăng 5,4 tỷ đồng (chủ yếu là thuế GTGT chưa hoàn).

Tổng nguồn vốn giảm so với cùng kỳ năm trước là 212,7 tỷ đồng. Trong đó, nợ phải trả giảm 182,5 tỷ đồng và nguồn vốn chủ sở hữu giảm 30,2 tỷ đồng. Nợ phải trả giảm chủ yếu do giảm vay ngân hàng là 161,2 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 30,2 tỷ đồng do lỗ kinh doanh năm nay, làm tăng số lỗ lũy kế lên 91,6 tỷ.

Đánh giá tình hình tài chính: Cơ cấu nguồn vốn có sự thay đổi so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ nợ phải trả giảm 5% và tỷ lệ vốn chủ sở hữu tăng tương ứng. Kết quả kinh doanh năm nay lỗ 30,2 tỷ. Số dư nợ ngắn hạn ngân hàng giảm 161,2 tỷ do thu hồi công nợ phải thu và giảm hàng tồn kho. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu báo cáo hợp nhất 2,48 lần, giảm 0,42 lần so với cùng kỳ năm trước, nằm trong mức bình quân của các doanh nghiệp cùng loại. Số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính nhưng khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đảm bảo 1 lần cho thấy Cty vẫn tự chủ được về tài chính. Số lỗ lũy kế đến 31/12/2018 là 91,6 tỷ đồng.

II/ Kết quả triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số nhiệm vụ trọng tâm:

1. Kết quả báo cáo hợp nhất nhiệm kỳ năm 2014-2018: Phụ lục 02 đính kèm.

Trong nhiệm kỳ này, tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty là 13.303 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu thuần của Công ty mẹ là 12.745 tỷ đồng (~ 90%/ doanh thu toàn Cty). Tổng lỗ kinh doanh nhiệm kỳ này là 68,2 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lỗ 58,2 tỷ đồng, Công ty Sơn lỗ 7,7 tỷ đồng và Cty Hà Nội lỗ 2,3 tỷ đồng.

Năm 2018, doanh thu thuần hợp nhất 1.511 tỷ đồng bằng 76% so với kế hoạch, so với cùng kỳ năm 2014/ 2015/ 2016 và 2017 tương ứng giảm 60%/ 55%/ 41%/ và 28%, chủ yếu do lỗ bán hàng tồn kho và giá mặt hàng chủ lực (hạt tiêu) giảm sâu.

Lỗ hợp nhất năm 2018 là 30,2 tỷ đồng, so với kế hoạch lãi 7,5 tỷ đồng và so với cùng kỳ năm 2014 lãi 13,5 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2015 lỗ 7,9 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2016 lãi 7,9 tỷ đồng và so với cùng kỳ năm 2017 lỗ 51,5 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn góp của chủ sở hữu hợp nhất: -19,8%.

Cổ tức: không thực hiện do còn lỗ lũy kế.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2018

Kết quả kinh doanh của Cty Mẹ và các Cty con của Cty như sau :

+ **Công ty Mẹ :** Doanh thu thuần 1.387 tỷ đồng đạt 81% KH, so với cùng kỳ năm 2014/2015/2016 và 2017 giảm tương ứng 58%/57%/42% và 42%. Nguyên nhân chủ yếu do giá mặt hàng kinh doanh chủ lực (hạt tiêu) giảm sâu kỷ lục (Giá hạt tiêu bình quân năm 2018 chỉ bằng 38% so với cùng kỳ 2015). Lỗ kinh doanh 35,6 tỷ đồng, sau loại trừ giảm dự phòng do Cty sơn có lãi, tăng dự phòng lỗ của Cty Hà Nội thì Cty mẹ lỗ 29,9 tỷ đồng, so với KH HĐQT giao lãi 5 tỷ đồng, so tương ứng với cùng kỳ năm 2014/ 2015/ 2016 lãi 24,9/ 1,9/ 3,6 tỷ đồng, và so với cùng kỳ năm 2017 lỗ 51,8 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu Công ty mẹ lỗ kinh doanh do lỗ bán hàng tồn kho. Trong đó, các mặt hàng lỗ trước chi phí quản lý gồm hạt tiêu là 14,7 tỷ đồng, inox là 8 tỷ đồng và hạt nhựa là 3,9 tỷ đồng. Các ngành hàng mang lại hiệu quả kinh doanh, có lãi trước chi phí quản lý như ngành hàng tiêu sạch vi sinh lãi 6 tỷ đồng và xăng dầu lãi 4,2 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ đã bao gồm hạch toán hồi tố năm 2017 cho các khoản chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng hạt nhựa khoảng 2,2 tỷ đồng, mặt hàng cao su 2,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, chưa bao gồm số tiềm ẩn lỗ do chưa trích lập dự phòng cho tồn kho inox với tổng giá trị tồn kho khoảng 25 tỷ đồng.

+ **Pitco Sơn:** Sản lượng tiêu thụ đạt 96% KH, bằng 138%/ 123% và 125% tương ứng so với năm 2014/ 2015 và 2017, bằng 84% so với năm 2016. Doanh thu thuần 136 tỷ đồng đạt 113% KH, bằng 174%/ 160% và 135% tương ứng so với năm 2014/ 2015 và 2017, bằng 98% so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế lãi 8.002 triệu đồng, đạt 400% so với KH HĐQT giao, so với cùng kỳ năm 2014 lỗ 13,27 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2015 lỗ 9,39 tỷ đồng, so với cùng kỳ 2016 là lãi 6,7 tỷ đồng và cùng kỳ 2017 lãi 292 triệu đồng. Lỗ lũy kế đến 31/12/2018 là 73,9 tỷ đồng, giảm 8 tỷ đồng do lãi kỳ này là 8 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu kết quả Cty sơn là Cty đã đẩy tăng đột biến doanh thu xuất khẩu, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí kinh doanh.

+ **Pitco Hà Nội:** Doanh thu thuần 19 tỷ đồng đạt 16 % KH HĐQT giao. Lợi nhuận trước thuế lỗ 2,5 tỷ đồng so với KH HĐQT giao lãi 0,5 tỷ, so với cùng kỳ năm 2014 lãi 2,5 tỷ, so cùng kỳ năm 2015 lãi 90 triệu đồng, so với cùng kỳ 2016 lỗ 2,43 tỷ đồng và so với cùng kỳ 2017 lãi 19 triệu đồng. Mặt hàng thiếc là mặt hàng chủ đạo nhưng do giá cả hàng hóa giảm mạnh, chi phí khai thác tăng cao, từ năm 2016 nhà sản xuất chịu thêm chi phí 10% do chính sách thay đổi không hoàn được thuế VAT gây diễn biến xấu về thị trường.

Ban lãnh đạo Công ty có chủ trương giải thể Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Hà Nội để sáp nhập vào Công ty mẹ do ngành hàng chính là xuất khẩu thiếc bị dừng lại vì lý do khách quan, quy mô các ngành hàng phụ không bù đắp đủ chi phí hoạt động, hoạt động kinh doanh hiện tại chưa hiệu quả và Công ty chưa có định hướng mới để tiếp tục phát triển.

⇒ **Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2018:** Công ty hoàn thành 76% kế hoạch doanh thu, lỗ kinh doanh 30,2 tỷ đồng so với KH ĐHCĐ

giao là lãi 7,5 tỷ đồng. Năm nay ngành sơn có lãi 8 tỷ nhưng chưa ổn định do phụ thuộc vào khách hàng chủ lực. Ngành hàng gia vị cao cấp và xăng dầu có lợi nhuận tốt, bên cạnh đó ngành hàng hạt tiêu, inox và hạt nhựa lỗ chủ yếu do bán hàng tồn kho.

3. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018

- + Công ty đã ký và thực hiện hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
- + Không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu. Không hoàn thành KH lợi nhuận.
- + Thực hiện thanh quyết toán thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
- + Tiền lương và thù lao của HĐQT và BKS năm 2018 thực hiện đúng theo NQ của ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua.

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị.

HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý, ngoài ra HĐQT còn xin ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề cấp bách. Sau mỗi phiên họp đều có biên bản họp và ban hành nghị quyết theo đúng quy chế hoạt động của HĐQT. Các nghị quyết của HĐQT tập trung vào các công việc trọng tâm như: Giao KH SXKD cho Cty mẹ và các Cty con, thông qua quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng, thù lao của người quản lý điều hành và cán bộ CNV Cty, hạn mức vay ngân hàng... Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Công ty.

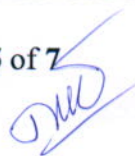
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác đã cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định Công ty. Công tác chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ CTy. Tuy nhiên lỗ do giảm giá hàng tồn kho ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2018 là áp lực lớn đối với Ban điều hành CTy.

6. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông.

Kỳ này, Ban kiểm soát được cung cấp thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ, đột xuất của HĐQT CTy.

BKS thông báo kế hoạch kiểm tra giám sát cho HĐQT và Tổng giám đốc để phối hợp. Sau đợt kiểm tra giám sát BKS gửi báo cáo cho HĐQT, Tổng giám đốc.



Định kỳ 6 tháng/năm BKS gửi báo cáo kiểm soát CTy kèm các kiến nghị cho HĐQT và Tổng giám đốc .

Đối với cổ đông: Trong năm BKS nhận được đơn về việc lỗ lũy kế, việc sang nhượng phần vốn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cho Cty CP Tổng công ty Xây lắp và Thương mại và vài việc khác. Tuy nhiên, BKS không tìm được thông tin của những người gửi đơn này trên danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp nên BKS không thể tìm hiểu thêm thông tin về việc này. Mặc dù vậy, BKS đã đề xuất Công ty tư vấn SGDCK HCM và cùng với luật sư rà soát lại điều lệ và các việc liên quan nhằm chỉnh sửa và thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2019-2023

- + , Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.
- + , Thăm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.
- + , Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- + Giám sát việc thực hiện, tuân thủ chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước.
- + , Định kỳ hàng quý kiểm soát, giám sát hoạt động của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng định mức, biện pháp tiết kiệm chi phí Công ty; Kiểm tra, giám sát công tác xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Kiểm tra, giám sát cơ cấu tổ chức và lao động tiền lương của đơn vị;
- + , Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động hàng năm và báo cáo theo yêu cầu kết quả kiểm tra.
- + , Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.
- + , Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị theo thông báo.

PHẦN IV: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để hoàn thành kế hoạch SXKD nhiệm kỳ tới và các mục tiêu phát triển trong các năm tiếp theo, Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị nghiên cứu triển khai một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Tiếp tục thực hiện rà soát, sửa đổi, và hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý để có hệ thống các quy định nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện thực tế tại CTy phục vụ yêu cầu công tác quản lý, điều hành CTy có hiệu quả.

2. Tiếp tục chỉ đạo việc cơ cấu lại bộ máy kinh doanh, cơ cấu tài chính, rà soát & bố trí lại nhân sự nhằm đạt kinh doanh có hiệu quả theo định hướng mới của Cty.

5. Trích lập dự phòng công nợ quá hạn khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Thay mặt Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo Công ty, các đơn vị thành viên, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Kính chúc các Quý vị Đại biểu và các quý vị Cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

- HĐQT PGCC (thay b/cáo).
- HĐQT, Ban TGD PITCO.
- Các Cổ đông.
- Lưu VT, BKS.

Lê Thúy Đào

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN NĂM 2014-2018
(Đính kèm Báo cáo nhiệm kỳ 2014-2018 của BKS PITCO)

STT	Chi tiêu	ĐVT	31/12/2014 (*)		31/12/2015		31/12/2016		31/12/2017 (**)		31/12/2018	
			Cty Mẹ	Hợp nhất	Cty Mẹ	Hợp nhất	Cty Mẹ	Hợp nhất	Cty Mẹ	Hợp nhất	Cty Mẹ	Hợp nhất
I	Tổng tài sản	Trđ	565,409	643,434	746,700	810,072	640,367	704,761	555,254	603,222	362,281	390,559
1	Tài sản ngắn hạn	Trđ	426,253	519,490	630,426	691,665	501,625	572,948	416,380	469,541	240,917	264,275
	Hàng tồn kho		219,588	261,970	280,695	321,358	298,957	348,415	183,361	228,717	76,612	105,061
2	Tài sản dài hạn	Trđ	139,156	123,944	116,274	118,407	138,742	131,814	138,874	133,681	121,364	126,284
3	Lợi thế thương mại	Trđ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tổng nguồn vốn	Trđ	565,409	643,434	746,700	810,072	640,367	704,761	555,254	603,222	362,281	390,559
1	Nợ phải trả	Trđ	373,755	449,543	561,201	624,191	446,516	511,021	412,909	460,988	249,835	278,485
	Nợ ngắn hạn		373,755	449,543	561,201	623,791	431,540	495,595	401,210	448,539	236,128	264,048
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Trđ	191,655	193,891	185,498	185,880	193,850	193,740	142,345	142,235	112,447	112,074
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Trđ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Khả năng thanh toán											
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.14	1.16	1.12	1.11	1.16	1.16	1.04	1.05	1.02	1.00
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.55	0.57	0.62	0.59	0.47	0.45	0.58	0.54	0.70	0.60
IV	Cơ cấu nguồn vốn											
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66%	70%	75%	77%	70%	73%	74%	76%	69%	71%
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	34%	30%	25%	23%	30%	27%	26%	24%	31%	29%
V	Khả năng sinh lợi											
	Lãi /Lỗ sau thuế TNDN	Trđ	13,465	13,511	(6,156)	(7,942)	8,352	7,860	(51,505)	(51,506)	(29,899)	(30,160)
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu)	%	7.03%	6.97%	-3.32%	-4.27%	4.31%	4.06%	-36.18%	-36.21%	-26.59%	-26.91%
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%	2.38%	2.10%	-0.82%	-0.98%	1.30%	1.12%	-9.28%	-8.54%	-8.25%	-7.72%
VI	Lãi /Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	đ/cp		951		(559)		553		(3,625)		(2,122)

(*) Số liệu tại ngày 31/12/2014 lấy theo số điều chỉnh ở BCTC năm 2015

(**) Số liệu tại ngày 31/12/2017 lấy theo số điều chỉnh ở BCTC năm 2018

Đã kiểm tra
Khai
Đã kiểm tra
Đã kiểm tra

BÁO CÁO NHANH KẾT QUẢ KINH DOANH THEO ĐƠN VỊ NĂM 2014-2018
(Đính kèm Báo cáo nhiệm kỳ 2014-2018 của BKS PITCO)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018					Tỷ lệ (%) thực hiện năm so với					Ghi chú
				2014	2015	2016	2017	2018	Cùng kỳ 2014	Cùng kỳ 2015	Cùng kỳ 2016	Cùng kỳ 2017	Kế hoạch năm	
I	Doanh thu thuần	Tỷ đ	2,000	3,791	3,335	2,558	2,108	1,511	40%	45%	59%	72%	76%	
1	Công ty Mẹ	Tỷ đ	1,710	3,341	3,218	2,400	2,400	1,387	42%	43%	58%	58%	81%	
2	Công ty Sơn	Tỷ đ	170	77	141	228	126	142	185%	101%	62%	113%	84%	
3	Công ty Hà Nội	Tỷ đ	120	385	204	133	133	19	5%	9%	15%	15%	16%	
	DTh nội bộ	Tỷ đ		12	228	203	551	37						
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	7,500	13,511	(7,942)	7,860	(51,505)	(30,160)	-223%	380%	-384%	59%	-402%	
1	Công ty Mẹ	Triệu đ	5,000	24,271	1,358	3,590	(51,816)	(35,624)	-147%	-2623%	-992%	69%	-712%	
2	Công ty Sơn	Triệu đ	2,000	(13,270)	(9,390)	6,700	292	8,002	-60%	-85%	119%	2745%	400%	
3	Công ty Hà Nội	Triệu đ	500	2,510	90	(2,430)	19	(2,538)	-101%	-2820%	104%	-13405%	-508%	